

**DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (ĐỢT 45: 10 TRƯỜNG HỢP)**

**Dự án Khu đô thị mới Cam Lâm - Thôn Bãi Giếng 1**

(Kèm theo Thông báo số: ...../TB-CNKVCL ngày ...../...../2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm)

**I. TỔNG HỢP VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:**

<b>1. Tổng số trường hợp phê duyệt:</b>	<b>10</b>	Trường hợp
<b>2. Tổng diện tích đất thu hồi:</b>	<b>15.658,4</b>	m <sup>2</sup>
<i>Trong đó:</i>		
Diện tích đất nông nghiệp:	15.658,4	m <sup>2</sup>
Diện tích đất phi nông nghiệp:	-	m <sup>2</sup>
Đất ở:	-	m <sup>2</sup>
Không phải đất ở:	15.658,4	m <sup>2</sup>
<b>3. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: (3.1+ 3.2)</b>	<b>23.577.689.808</b>	đồng
<i>Bảng chữ: Hai mươi ba tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm lẻ tám đồng.</i>		
<b>3.1 Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:</b>	<b>22.890.960.979</b>	đồng
<i>Trong đó:</i>		
Bồi thường đất:	14.121.528.040	đồng
Bồi thường công trình, vật kiến trúc:	3.854.325.939	đồng
Bồi thường cây trồng vật nuôi:	687.339.000	đồng
Các khoản hỗ trợ:	4.227.768.000	đồng
Chi phí chính lý giấy tờ đất sau thu hồi:		đồng
<b>3.2 Chi phí tổ chức thực hiện:</b>	<b>686.728.829</b>	đồng
<b>4. Về tái định cư (Kèm theo phương án tái định cư)</b>		
Tổng số trường hợp tái định cư:		trường hợp
Tổng số lô đất bố trí tái định cư:		lô
Tổng diện tích đất tái định cư:		m <sup>2</sup>

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)			
1	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất							1. BT về đất				188.576.835	273.803.392				
	Bà: Phan Thị Nhân CCCD: 056166000504 Năm sinh: 1966 Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa Số nhân khẩu: Đang xác minh	Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây lâu năm; 2/126; (Thôn Bãi Giếng 1 - Phía Tây Quốc lộ 1A)				m <sup>2</sup>	209,1	901.850	100%	188.576.835	
		Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	<p>- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i></p> <p>- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.</i></p> <p>+ <i>Bồi thường đất CLN từ 2, thửa 126, vị trí 1 (trong phạm vi 350m): 901.850 đồng/m2.</i></p>								
		Số tờ	Số thửa	Số tờ												Số thửa		
		2	126	2	284	CLN	Vị trí 1	209,1	209,1							0		
		Cộng							209,1							209,1	0	
		Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> ):							2. Nhà, vật kiến trúc				17.331.557					
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Văn bản số 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa.									
		Các giấy tờ có liên quan:							1. Hàng rào xây gạch taplo cao 0,4m + lưới B40 cao 1,5m, móng đá chèn, trụ BTCT dài 14m. (STT 66.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)				m dài	14	1.263.233	98%	17.331.557	Giảm 2% do xây gạch cao 0,4m và không tô trát, quét vôi.
		* Thửa 126, tờ bản đồ số 2 diện tích sử dụng 216m <sup>2</sup> trong đó có 6,9m <sup>2</sup> là diện tích đường giao thông không bồi thường, hỗ trợ.							2. Ống nhựa BM Ø90 dài 7m.				m dài	7	-	-	-	chờ xin giá
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 988/GXN-PKT ngày 02/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							3. Cây trồng				11.438.000					
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN15604 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Cam Lâm cấp ngày 20/02/2024.							- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.									
		- Biên bản kiểm kê số 125/BBKK-T6 ngày 24/03/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							Mít Loại A				cây	2	1.056.000	100%	2.112.000	
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							Mít Loại C				cây	1	853.000	100%	853.000	
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.							Mãng cầu Loại A				cây	6	593.000	100%	3.558.000	
									Xoài ghép Loại A				cây	2	2.400.000	100%	4.800.000	
									Sả				m <sup>2</sup>	10	11.500	100%	115.000	
									4. Các chính sách hỗ trợ				56.457.000					
									- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.									
									Đất trồng cây lâu năm				m <sup>2</sup>	209,1	270.000	100%	56.457.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất CLN, VT 1: <math>5 \times 54.000 = 270.000</math> đồng/m<sup>2</sup>.</p>						
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>						
			Thu hồi 01 GCN số CN15604.						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)																															
2	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất						259.462.245	388.941.412																														
	<b>Bà: Phan Thị Hiệp</b> Hộ chiếu: Q00699331 <b>(UQ Nguyễn Khắc Dưỡng)</b> Năm sinh: 1974 Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng, xã Cam Lâm, Khánh Hòa. <b>Ông: Trần Ngọc Quang</b> Hộ chiếu: C1331148 Năm sinh: Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa Số nhân khẩu: Đang xác minh	Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây lâu năm; 2/143; (Thôn Bãi Giếng 1 - Phía Tây Quốc lộ 1A)	m <sup>2</sup>	287,7	901.850	100%	259.462.245																																
		<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Bản đồ trích đo</th> <th colspan="2">Bản đồ địa chính</th> <th rowspan="2">Loại đất</th> <th rowspan="2">Vị trí</th> <th rowspan="2">Tổng DT (m<sup>2</sup>)</th> <th rowspan="2">DT thu hồi (m<sup>2</sup>)</th> <th rowspan="2">DT còn lại (m<sup>2</sup>)</th> </tr> <tr> <th>Số tờ</th> <th>Số thửa</th> <th>Số tờ</th> <th>Số thửa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2</td> <td>143</td> <td>2</td> <td>285</td> <td>CLN</td> <td>Vị trí 1</td> <td>287,7</td> <td>287,7</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="text-align: center;"><b>Cộng</b></td> <td>287,7</td> <td>287,7</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	2	143	2	285	CLN	Vị trí 1	287,7	287,7	0	<b>Cộng</b>						287,7	287,7	0	<p>- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i></p> <p>- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.</i></p> <p>+ <i>Bồi thường đất CLN tờ 2, thửa 143, vị trí 1 (trong phạm vi 350m): 901.850 đồng/m<sup>2</sup>.</i></p>						
Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )						DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )																											
Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa																																					
2	143	2	285	CLN	Vị trí 1	287,7	287,7	0																																
<b>Cộng</b>						287,7	287,7	0																																
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>	2. Nhà, vật kiến trúc						24.759.367																															
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>	- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Văn bản số 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa.																																					
		- Thửa 143 tờ 2: Diện tích thực tế tăng 8,8m <sup>2</sup> do đo bao đường giao thông không bồi thường, hỗ trợ.																																						
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>	1. Hàng rào xây gạch taplo cao 0,4m + lưới B40 cao 1,5m, móng đá chẻ, trụ BTCT dài 20m. (STT 66.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	20	1.263.233	98%	24.759.367	Giảm 2% do xây gạch cao 0,4m và không tô trát, quét vôi.																															
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 969/GXN-PKT ngày 02/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.																																						
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN720 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Cam Lâm cấp ngày 24/09/2024.	2. Ống nhựa BM Ø90 dài 10m.	m dài	10	-	-	-	chờ xin giá																															
		- Hợp đồng ủy quyền của bà Phan Thị Hiệp ủy quyền cho Ông Nguyễn Khắc Dưỡng theo số công chứng 1950/2026/CCGD tại VP công chứng Thuận An ngày 12/02/2026.	3. Cây trồng						27.040.800																															
		- Biên bản kiểm kê số 126/BBKK-T6 ngày 24/03/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.	- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.																																					
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.	Xoài ghép Loại A	cây	5	2.400.000	100%	12.000.000																																
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.	Mít Loại A	cây	7	1.056.000	100%	7.392.000																																
			Mít Loại A (vượt mật độ)	cây	2	1.056.000	80%	1.689.600																																
			Mít Loại 2 năm (vượt mật độ)	cây	1	333.000	80%	266.400																																
			Mãng cầu Loại A (vượt mật độ)	cây	12	593.000	80%	5.692.800																																
			4. Các chính sách hỗ trợ						77.679.000																															
			- <b>Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.																																					
			Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	287,7	270.000	100%	77.679.000																																

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất CLN, VT 1: <math>5 \times 54.000 = 270.000</math> đồng/m<sup>2</sup>.</p>						
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>						
			Thu hồi 01 GCN số CN720.						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)																															
3	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>	<b>1. BT về đất</b>						<b>367.143.135</b>	<b>545.988.785</b>																														
	<b>Bà: Lê Thanh Trâm</b> CCCD: 056192004880 <b>(UQ Nguyễn Khắc Dưỡng)</b> Năm sinh: 1992 Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng 1, xã Cam Lâm, Khánh Hòa <b>Ông: Nguyễn Văn Huy</b> CCCD: 038090072021 Năm sinh: 1990 Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Ân Nam 2, xã Diên Khánh, Khánh Hòa Số nhân khẩu: Đang xác minh	Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây lâu năm; 2/152; (Thôn Bãi Giếng 1 - Phía Tây Quốc lộ 1A)	m <sup>2</sup>	407,1	901.850	100%	367.143.135																																
		<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Bản đồ trích đo</th> <th colspan="2">Bản đồ địa chính</th> <th rowspan="2">Loại đất</th> <th rowspan="2">Vị trí</th> <th rowspan="2">Tổng DT (m<sup>2</sup>)</th> <th rowspan="2">DT thu hồi (m<sup>2</sup>)</th> <th rowspan="2">DT còn lại (m<sup>2</sup>)</th> </tr> <tr> <th>Số tờ</th> <th>Số thửa</th> <th>Số tờ</th> <th>Số thửa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2</td> <td>152</td> <td>2</td> <td>286</td> <td>CLN</td> <td>Vị trí 1</td> <td>407,1</td> <td>407,1</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="text-align: center;"><b>Cộng</b></td> <td>407,1</td> <td>407,1</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	2	152	2	286	CLN	Vị trí 1	407,1	407,1	0	<b>Cộng</b>						407,1	407,1	0	<p>- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i></p> <p>- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.</i></p> <p>+ <i>Bồi thường đất CLN tờ 2, thửa 152, vị trí 1 (trong phạm vi 350m): 901.850 đồng/m<sup>2</sup>.</i></p>						
Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )						DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )																											
Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa																																					
2	152	2	286	CLN	Vị trí 1	407,1	407,1	0																																
<b>Cộng</b>						407,1	407,1	0																																
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>	<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>						<b>37.139.050</b>																															
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>	- <i>Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Văn bản số 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa.</i>																																					
		* Thửa 152, tờ bản đồ số 2: Diện tích sử dụng 417,7m <sup>2</sup> trong đó có 10m <sup>2</sup> là diện tích đường giao thông không bồi thường, hỗ trợ.																																						
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>	1. Hàng rào xây gạch taplo cao 0,4m + lưới B40 cao 1,5m, trụ BTCT, móng đá chèn dài 30m. (STT 66.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	30	1.263.233	98%	37.139.050	Giảm 2% do xây gạch cao 0,4m và không tô trát, quét vôi.																															
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 974/GXN-PKT ngày 02/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.																																						
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN15860 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Cam Lâm cấp ngày 03/05/2024.																																						
		- Biên bản kiểm kê số 127/BBKK-T6 ngày 24/03/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.	2. Ống nhựa BM Ø90 dài 15m.	m dài	15	-	-	-	chờ xin giá																															
		- Hợp đồng ủy quyền của Ông Nguyễn Văn Huy và bà Lê Thanh Trâm ủy quyền cho Ông Nguyễn Khắc Dưỡng theo số công chứng 1952/2026/CCGD tại VP công chứng Thuận An ngày 12/02/2026.	<b>3. Cây trồng</b>						<b>31.789.600</b>																															
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.	- <i>Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</i>																																					
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.	Xoài ghép Loại A	cây	6	2.400.000	100%	14.400.000																																
			Mít Loại A	cây	10	1.056.000	100%	10.560.000																																
			Mãng cầu Loại A	cây	2	593.000	100%	1.186.000																																
			Mãng cầu Loại A (vượt mật độ)	cây	11	593.000	80%	5.218.400																																
			Đu đủ Loại A (vượt mật độ)	cây	2	122.000	80%	195.200																																
			Sả	m <sup>2</sup>	20	11.500	100%	230.000																																
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>						<b>109.917.000</b>																															
			- <b>Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b>																																					
			Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.																																					

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	407,1	270.000	100%	109.917.000	chờ xác minh
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất CLN, VT 1: 5 x 54.000 = 270.000 đồng/m<sup>2</sup>.</p>						
			<b>5. Thu hồi chỉnh lý GCNQSD đất</b>						
			Thu hồi 01 GCN số CN15860.						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)			
4	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất							1. BT về đất				1.645.786.065	2.242.558.889				
	Ông: Huỳnh Khoa CCCD: 056064019552 Năm sinh: 1964 Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa Số nhân khẩu: Đang xác minh	Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây hàng năm khác; 11/19; (Thôn Bãi Giếng 1 - Phía Tây Quốc lộ 1A)				m <sup>2</sup>	1.824,9	901.850	100%	1.645.786.065	
		Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	<p>- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i></p> <p>- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.</i></p> <p>+ <i>Bồi thường đất BHK tờ 11, thửa 19, vị trí 1 (trong phạm vi 350m): 901.850 đồng/m<sup>2</sup>.</i></p>							
		Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa													
		11	19	11	9	BHK	Vị trí 1	1.824,9	1.824,9	0								
		Cộng					1.824,9	1.824,9	0									
		Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> ):							-									
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							-									
		Các giấy tờ có liên quan:							2. Nhà, vật kiến trúc				199.824					
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1223/GXN-PKT ngày 16/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							- <i>Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Văn bản số 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa.</i>									
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12008 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 16/11/2022.							1. Trụ BTCT ((0,1x0,1x1,8)x1). (STT 60, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)				m <sup>3</sup>	0,02	11.101.357	100%	199.824	
		- Biên bản kiểm kê số 131/BBKK-T6 ngày 25/03/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							3. Cây trồng				103.850.000					
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							- <i>Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</i>									
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.							Xoài ghép Loại A				cây	26	2.400.000	100%	62.400.000	
									Xoài ghép Loại B				cây	8	1.931.000	100%	15.448.000	
									Xoài ghép Loại C				cây	14	1.533.000	100%	21.462.000	
									Xoài ghép Loại 4 năm				cây	5	908.000	100%	4.540.000	
									Keo 4 năm				cây	15	-	-	-	chờ xin giá
									4. Các chính sách hỗ trợ				492.723.000					
									- <i>Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.</i>									
									Đất trồng cây hàng năm				m <sup>2</sup>	1.824,9	270.000	100%	492.723.000	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất BHK, VT 1: <math>5 \times 54.000 = 270.000</math> đồng/m<sup>2</sup>.</p>							
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>							
			Thu hồi 01 GCN số CS12008.							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)																																
5	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	<b>1. BT về đất</b>						<b>533.895.200</b>	<b>775.795.658</b>																															
	<b>Ông: Lê Văn Bồi</b> CCCD: 056061000321 Năm sinh: 1961 Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng 2, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa Số nhân khẩu: Đang xác minh	Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây lâu năm; 2/167; (Thôn Bãi Giếng 1 - Phía Tây Quốc lộ 1A)	m <sup>2</sup>	592,0	901.850	100%	533.895.200																																	
		<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Bản đồ trích đo</th> <th colspan="2">Bản đồ địa chính</th> <th rowspan="2">Loại đất</th> <th rowspan="2">Vị trí</th> <th rowspan="2">Tổng DT (m<sup>2</sup>)</th> <th rowspan="2">DT thu hồi (m<sup>2</sup>)</th> <th rowspan="2">DT còn lại (m<sup>2</sup>)</th> </tr> <tr> <th>Số tờ</th> <th>Số thửa</th> <th>Số tờ</th> <th>Số thửa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2</td> <td>167</td> <td>2</td> <td>269</td> <td>CLN</td> <td>Vị trí 1</td> <td>592,0</td> <td>592,0</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="text-align: center;"><b>Cộng</b></td> <td>592,0</td> <td>592,0</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	2	167	2	269	CLN	Vị trí 1	592,0	592,0	0	<b>Cộng</b>						592,0	592,0	0								
Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )						DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )																												
Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa																																						
2	167	2	269	CLN	Vị trí 1	592,0	592,0	0																																	
<b>Cộng</b>						592,0	592,0	0																																	
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>						-																																	
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>						-																																	
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>	<p>- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1234/GXN-PKT ngày 16/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.</p> <p>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12253 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/12/2022.</p> <p>- Biên bản kiểm kê số 77/BBKK-T10 ngày 29/01/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.</p> <p>- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>																																						
			1. Hàng rào xây gạch taplo cao 0,2m + lưới B40 cao 1,5m, trụ BTCT, móng taplo dài 20m. (STT 66.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	20	1.263.233	97%	24.506.720	Giảm 3% do xây gạch cao 0,2m và không tô trát, quét vôi.																																
			2. Hàng rào lưới B40 cao 1,5m, trụ BTCT dài (7,6+25)m. (STT 12.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	33	627.276	95%	19.426.738	Giảm 5% do không móng.																																
			3. Ống nhựa BM Ø49 dài (20+31)m.	m dài	51	-	-	-	chờ xin giá																																
			<b>3. Cây trồng</b>						<b>38.127.000</b>																																
			<p>- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</p>																																						
			Xoài ghép - Loại A	cây	10	2.400.000	100%	24.000.000																																	
			Mãng cầu - Loại A	cây	23	593.000	100%	13.639.000																																	
			Mai - Loại A	cây	33	-	-	-	chờ xin giá																																
			Đu đủ - Loại A	cây	4	122.000	100%	488.000																																	
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>						<b>159.840.000</b>																																

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			<b>- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b>							
			Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.							
			Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	592,0	270.000	100%	159.840.000		
			- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.							
			- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:							
			+ Bồi thường đất CLN, VT 1: 5 x 54.000 = 270.000 đồng/m <sup>2</sup> .							
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>							
			Thu hồi 01 GCN số CS12253.							



TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			4. Buy XM chứa nước đặt nổi đk 1,1m cao 0,7m (03 cái). (STT 81, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	cầu kiện	3	650.006	98%	1.911.018	Giảm 2% do cao 0,7m.	
			5. Ống dẫn nước nhựa BM Ø60 dài 123m.	m dài	123	-	-	-	chờ xin giá	
			6. Đồng hồ điện 3 pha (01 cái). (STT 9, Mục B, Phụ lục III kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	cái	1	4.542.800	100%	4.542.800		
			<b>* Thửa 76, tờ 10</b>							
			1. Ống dẫn nước nhựa BM Ø34 dài 50m.	m dài	50	-	-	-	chờ xin giá	
			* Ống dẫn nước nhựa BM Ø60 dài 158m.	m dài	158	-	-	-	chờ xin giá	
			<b>3. Cây trồng</b>					<b>327.594.600</b>		
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.							
			<b>* Thửa 19, tờ 10</b>							
			Xoài ghép - Loại A	cây	30	2.400.000	100%	72.000.000		
			Xoài hạt - Loại A	cây	10	7.399.000	100%	73.990.000		
			<b>* Thửa 76, tờ 10</b>							
			Xoài hạt - Loại A	cây	8	7.399.000	100%	59.192.000		
			Xoài ghép - Loại A	cây	24	2.400.000	100%	57.600.000		
			Mãng cầu - Loại A	cây	45	593.000	100%	26.685.000		
			Mãng cầu - Loại 1 năm	cây	74	133.000	100%	9.842.000		
			Mãng cầu - Loại 1 năm	cây	29	133.000	80%	3.085.600		
			Rau ngót	m <sup>2</sup>	1.400	18.000	100%	25.200.000		
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>					<b>1.678.347.000</b>		
			Đất trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	3.277,6	270.000	100%	884.952.000		
			Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	2.938,5	270.000	100%	793.395.000		

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất CLN, BHK VT 1: <math>5 \times 54.000 = 270.000</math> đồng/m<sup>2</sup>.</p>						
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>						
			Thu hồi 02 GCN số CN10519 và CH04034.						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)			
7	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>							<b>1. BT về đất</b>				2.352.114.985	4.073.218.791				
	<b>Hộ ông: Châu Kim Minh</b> CCCD: 045063000390 Năm sinh: 1963 Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hải, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa	Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây lâu năm; 11/21; (Thôn Bãi Giếng 1 - Phía Tây Quốc lộ 1A)				m <sup>2</sup>	2.608,1	901.850	100%	2.352.114.985	
	<b>Bà: Huỳnh Thị Ngọc</b> CCCD: Năm sinh: 1968 Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hải, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa Số nhân khẩu: Đang xác minh	<b>Bản đồ trích đo</b>	<b>Bản đồ địa chính</b>		<b>Loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Tổng DT (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT thu hồi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT còn lại (m<sup>2</sup>)</b>	<p>- <i>Đù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i></p> <p>- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.</i></p> <p>+ <i>Bồi thường đất CLN từ 11, thửa 21, vị trí 1 (trong phạm vi 350m): 901.850 đồng/m2.</i></p>								
	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>														
	11	21	11	14	CLN	Vị trí 1	2.608,1	2.608,1	0									
	<b>Cộng</b>						2.608,1	2.608,1	0									
	<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>										-	<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>				936.890.806		
	<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>										-	<p>- <i>Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Văn bản số 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa.</i></p>						
	<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>							<b>* Tài sản của Ông Châu Kim Minh</b>										
	- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1225/GXN-PKT ngày 16/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							1. Nhà mái lợp tole, kèo gỗ, tường xây gạch taplo không tô cao 3m, nền XM cửa gỗ (3x3,4) + (1,2x0,9). <i>(STT 17, Mục A, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)</i>				m <sup>2</sup> XD	11,3	2.115.140	102%	24.335.955	Tăng 5% do xây gạch taplo. Giảm 3% do cửa gỗ.	
	- Biên bản kiểm kê số 132/BBKK-T6 ngày 25/03/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							2. Mái che lợp tole, cột kèo gỗ, nền XM (4,8x3) + (1x3,4). <i>(STT 3.1, Mục C Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)</i>				m <sup>2</sup> XD	17,8	741.439	100%	13.197.614		
	- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							3. Bể chứa nước xây gạch tô XM, thành dày 100, đáy BTXM (3,1x2,3x2,5). <i>(STT 37, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)</i>				m <sup>3</sup>	17,8	3.084.438	90%	49.482.097	Giảm 10% do thành dày 100.	
	- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.							4. Bùn chứa nước đặt nổi đk 1m, cao 0,5m (01 cái). <i>(STT 81, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)</i>				cầu kiện	1	650.006	95%	617.506	giảm 5% do cao 0,5m.	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			* Buy chứa nước đặt nổi đk 1,2m, cao 0,8m (01 cái). (STT 81, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	cầu kiện	1	650.006	100%	650.006		
			* Buy chứa nước đặt nổi đk 0,8m, cao 0,5m : 01 cái. (STT 81, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	cầu kiện	1	650.006	93%	604.506	Giảm 7% do đk 0,8m và cao 0,5m.	
			5. Hàng rào kẽm gai 5 sợi, trụ BTCT, móng taplo dài 165m. (STT 12.1.1, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	165	385.977	100%	63.686.205		
			6. Chuông gà: Mái lợp tole, cột kèo gỗ tận dụng, xung quanh dùng lưới lan, cửa khung gỗ + lưới lan, nền đất (3x2). (STT 87.11, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	6,0	877.156	90%	4.736.642	Giảm 10% do nền đất và không móng.	
			7. Đồng hồ điện 01 pha: 01 cái. (STT 8, Mục B, Phụ lục III kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720		
			<b>* Tài sản của Bà Huỳnh Thị Kim Oanh</b>							
			1. Công trụ xây gạch vuông 0,4m, cao 2,5m, cánh khung sắt hình dài 3,4m. (STT 13, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	3,4	3.855.960	100%	13.110.264		
			2. Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền gạch men (7,4x6,5) + (3x1). (STT 4, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	51,1	1.259.097	105%	67.556.850	Tăng 5% do nền gạch men.	
			3. Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền XM (12x1). (STT4, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	12,0	1.259.097	100%	15.109.164		

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			4. Tường rào xây gạch taplo cao 1,4m + lưới B40 cao 1,2m, móng đá chề dài 10.4m. (STT 67, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	10,4	1.855.886	95%	18.336.154	Tăng 10% do lưới B40 cao 1,2m. Giảm 15% do tường xây gạch cao 1,4m và ko trụ, tô trát, quét vôi.
			5. Nhà mái lợp tole, kèo sắt, không trần, tường xây gạch 100, sơn nước cao 5,5m, cửa nhôm kính, nền lát gạch men, móng đá chề 5 lớp, hệ VS hoàn chỉnh (5x26,5). (STT 1.1, Mục A, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	132,5	3.751.000	110%	546.708.250	Tăng 10% do móng đá chề 5 lớp, hệ VS hoàn chỉnh và cửa nhôm kính, sơn nước.
			* Diện tích ốp men theo cầu kiện nhà (3x0,8). (STT 33, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	2,4	401.056	100%	962.534	
			* Diện tích ốp đá granite: (0,6x1,5) + (0,9x0,6). (STT 39.6, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	1,4	1.884.465	100%	2.713.630	
			* Diện tích lát gạch men nền: (5x26,5). (STT 37, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	132,5	481600	100%	63.812.000	
			6. Đan BTCT đổ tại chỗ: (2x2,5x0,1) + (3,4x2x0,2). (STT 59.1, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>3</sup>	1,9	5.013.227	100%	9.324.602	
			7. Buy XM đặt nổi đk 1m, cao 0,6m (01 cái). (STT 81, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	cầu kiện	1	650.006	96%	624.006	Giảm 4% do cao 0,6m.

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			8. Hàng rào xây gạch taplo cao 0,4m, lưới B40 cao 1,5m, trụ BTCT, móng đá chề dài 28m. (STT 66.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	28	1.263.233	98%	34.663.114	Giảm 2% do xây gạch cao 0,4m và không tô trát, quét vôi.	
			9. Hàng rào lưới B40 cao 1,5m, trụ BTCT, không móng dài 8,5m. (STT 11.1, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	8,5	537.955	95%	4.343.987	Giảm 5% do không móng.	
			<b>3. Cây trồng</b>						<b>80.026.000</b>	
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.							
			<b>* Cây trồng của Ông Châu Kim Minh</b>							
			Xoài ghép - Loại A	cây	16	2.400.000	100%	38.400.000		
			Xoài ghép - Loại B	cây	5	1.931.000	100%	9.655.000		
			Xoài ghép - Loại C	cây	3	1.533.000	100%	4.599.000		
			Xoài ghép - Loại 2 năm	cây	1	315.000	100%	315.000		
			Dừa xiêm - Loại A	cây	5	1.844.000	100%	9.220.000		
			Dừa xiêm - Loại C	cây	3	1.184.000	100%	3.552.000		
			Xoài hạt - Loại A	cây	1	7.399.000	100%	7.399.000		
			Mai loại A	cây	1	-	-	-	chờ xin giá	
			Chuối - Loại C	cây	6	91.000	100%	546.000		
			Đu đủ - Loại B	cây	3	106.000	100%	318.000		
			Mãng cầu - Loại 2 năm	cây	15	218.000	100%	3.270.000		
			Cóc - Loại A	cây	1	360.000	100%	360.000		
			Bưởi - Loại 2 năm	cây	1	307.000	100%	307.000		
			Sả	m <sup>2</sup>	30	11.500	100%	345.000		
			Rau lấy lá khác	m <sup>2</sup>	50	17.000	100%	850.000		
			Đinh lăng - Loại 3 năm	cây	15	-	-	-	chờ xin giá	
			Đại tướng quân - Loại A	cây	12	-	-	-	chờ xin giá	
			<b>* Cây trồng của Bà Huỳnh Thị Kim Oanh</b>							
			Mai - Loại A	cây	4	-	-	-	chờ xin giá	
			Đu đủ - Loại A	cây	1	122.000	100%	122.000		

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			Bưởi - Loại 3 năm	cây	1	447.000	100%	447.000		
			Mận - Loại 2 năm	cây	1	191.000	100%	191.000		
			Bông lá	m <sup>2</sup>	5	-	-	-	chờ xin giá	
			Bằng lăng - Loại A	cây	1	-	-	-	chờ xin giá	
			Ốt cay	m <sup>2</sup>	5	26.000	100%	130.000		
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>						<b>704.187.000</b>	
			<b>- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.							
			Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	2.608,1	270.000	100%	704.187.000		
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất CLN, VT 1: 5 x 54.000 = 270.000 đồng/m<sup>2</sup>.</p>							
			<b>5. Thu hồi chỉnh lý GCNQSD đất</b>							
			Thu hồi 01 GCN số CH04036.							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)					
8	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>							<b>1. BT về đất</b>				<b>639.772.390</b>	<b>1.482.668.898</b>						
	<b>Ông: Ngô Ngô</b> CCCD: 056067000554 Năm sinh: 1967 Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng Trung, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa	Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây hàng năm khác;	m <sup>2</sup>	709,4	901.850	100%	639.772.390						
	<b>Bà: Đỗ Thị Vượng</b> CCCD: Năm sinh: 1974 Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng Trung, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa	<b>Bản đồ trích đo</b>	<b>Bản đồ địa chính</b>		<b>Loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Tổng DT (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT thu hồi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT còn lại (m<sup>2</sup>)</b>	<p>- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i></p> <p>- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.</i></p> <p>+ <i>Bồi thường đất BHK từ 2, thửa 6, vị trí 1 (trong phạm vi 350m): 901.850 đồng/m<sup>2</sup>.</i></p>										
		<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Số tờ</b>											<b>Số thửa</b>					
		2	6	2	201	BHK	Vị trí 1	709,4	709,4						0					
		<b>Cộng</b>						709,4	709,4						0					
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>							<b>-</b>											
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>							<b>-</b>											
	<b>Số nhân khẩu:</b> Đang xác minh	Thửa 6 tờ bản đồ số 2 diện tích sử dụng 716,8m <sup>2</sup> trong đó có 7,4m <sup>2</sup> là diện tích đường giao thông không bồi thường, hỗ trợ.							<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>						<b>648.210.508</b>					
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>							<b>- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Văn bản số 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa.</b>											
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 976/GXN-PKT ngày 02/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							1. Kè xây gạch taplo cao 0,2m dài 17m.						m <sup>2</sup>	3,4	195.077	100%	663.262	
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS02998, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 25/12/2019.							( <i>STT 9, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND</i> )											
		- Biên bản kiểm kê số 54/BBKK-T10 ngày 27/01/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							2. Hàng rào lưới B40 cao 1,5m, trụ BTCT, móng taplo dài 87,8m.	m dài	87,8	627.276	100%	55.074.833						
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							( <i>STT 12.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND</i> )											
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.							3. Kè xây đá chẻ: (0,8x0,2x16,4) + (12x0,2x0,4), có trát mạch vữa.	m <sup>3</sup>	3,6	3.975.098	100%	14.246.751						
									( <i>STT 49, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND</i> )											
									4. Giếng nước buy đúc XM	m sâu	20	2.180.674	97%	42.305.076	Giảm 3% do đk 1,3m.					
									đk 1,3m sâu 10m (2 cái)											
									( <i>STT 21, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND</i> )											
									5. Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền BT (9x4,6) + (4,7x4,3) + (1,2x3,6).	m <sup>2</sup> XD	65,9	1.259.097	100%	83.012.265						
									( <i>STT 4, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND</i> )											

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			6. Công trụ xây gạch, cánh khung sắt hộp cao 2m, dài 6,8m. (STT 13, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	6,8	3.855.960	100%	26.220.528	
			7. Tường rào xây gạch dày 0,2m, cao 2m dài 5,9m. (STT 9.4, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	5,9	1.453.719	95%	8.148.095	Giảm 5% do không móng.
			8. Hàng rào xây gạch cao 0,2m + lưới B40 cao 1,5m, trụ sắt, móng đá chẻ dài 6m. (STT 66.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	6	1.263.233	95%	7.200.428	Giảm 5% do xây gạch cao 0,2m và không tô trát, quét vôi.
			9. Nhà kho: mái lợp tole, kèo sắt, tường xây gạch 100 sơn lãn cao 3m, nền gạch men, cửa khung sắt + tole, không trần (3,1x3,6). (STT 23, Mục A, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	11,2	2.779.710	105%	32.572.642	Tăng 5% do nền gạch men và cửa khung sắt + tole.
			10. Nhà mái lợp tole, trần laphong nhựa, tường xây gạch 100 sơn nước, cao 4m, nền gạch men, cửa sắt kính, móng 3 lớp đá chẻ, hệ vs hoàn chỉnh (13,7x4,5). (STT 2.1, Mục A, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	61,7	4.434.043	108%	295.227.454	Hệ điều chỉnh 1,12 do sơn nước. Tăng 8% do móng đá chẻ 3 lớp và hệ VS hoàn chỉnh.
			* DT gạch men trong cầu kiện nhà: (4,6x1) + (10,2x1,8). (STT 33, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	23,0	401.056	100%	9.208.246	
			* Dt đá granite: (3,1x4,5). (STT 39.6, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	14,0	1.884.465	100%	26.288.287	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			* Diện tích lát gạch men nền: (13,7x4,5). (STT 37, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	61,7	481600	100%	29.690.640		
			11. Đan BTCT ((0,8x0,1x0,7)x3). (STT 59.1, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ số 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>3</sup>	0,2	5.013.227	100%	842.222		
			12. Sân XM có BT lót (2,1x8,9). (STT 32, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	18,7	228.426	100%	4.269.282		
			13. Công trụ sắt, cánh khung sắt cao 2m dài 1,2m. (STT 80, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	2,4	3.574.642	100%	8.579.141		
			14. Đồng hồ điện 1 pha. (STT 8, Mục B, Phụ lục III kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720		
			15. Đồng hồ nước 01 cái. (STT 1, Mục B, Phụ lục III kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	cụm	1	2.345.636	100%	2.345.636		
			<b>3. Cây trồng</b>					<b>3.148.000</b>		
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.							
			Bình bát - loại A	cây	1	593.000	100%	593.000	Giá Mãng cầu.	
			Băng lãng - Loại A	cây	11	-	-	-	chờ xin giá	
			Mãng cầu - Loại A	cây	4	593.000	100%	2.372.000		
			Đu đủ - Loại A	cây	1	122.000	100%	122.000		
			Vạn tuế - Loại A	cây	1	-	-	-	chờ xin giá	
			Chuối ngọc - Loại A	cây	5	-	-	-	chờ xin giá	
			Mai - Loại A	cây	11	-	-	-	chờ xin giá	
			Chuối - Loại 1 năm	cây	1	61.000	100%	61.000		
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>					<b>191.538.000</b>		

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			<b>- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.						
			Đất trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	709,4	270.000	100%	191.538.000	
			<i>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</i>						
			<i>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</i>						
			<i>+ Bồi thường đất BHK, VT 1: 5 x 54.000 = 270.000 đồng/m<sup>2</sup>.</i>						
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>						
			<i>Thu hồi 01 GCN số CS02998.</i>						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)																															
9	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất						2.254.354.445	3.893.193.665																														
	<b>Ông: Nguyễn Nhật Duy Tân</b> CCCD: 056099001343 Năm sinh: 1999 Địa chỉ thường trú: Thôn Trung Hiệp 2, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa	Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây lâu năm; 10/61; (Thôn Bãi Giếng 1 - Phía Tây Quốc lộ 1A)	m <sup>2</sup>	2.499,7	901.850	100%	2.254.354.445																																
	<b>Ông: Nguyễn Ngọc Hải</b> CCCD: 056207008178 Năm sinh: 2007 Địa chỉ thường trú: Thôn Trung Hiệp 2, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Bản đồ trích đo</th> <th colspan="2">Bản đồ địa chính</th> <th rowspan="2">Loại đất</th> <th rowspan="2">Vị trí</th> <th rowspan="2">Tổng DT (m<sup>2</sup>)</th> <th rowspan="2">DT thu hồi (m<sup>2</sup>)</th> <th rowspan="2">DT còn lại (m<sup>2</sup>)</th> </tr> <tr> <th>Số tờ</th> <th>Số thửa</th> <th>Số tờ</th> <th>Số thửa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>10</td> <td>61</td> <td>10</td> <td>250</td> <td>CLN</td> <td>Vị trí 1</td> <td>2.499,7</td> <td>2.499,7</td> <td>0</td> </tr> <tr> <td colspan="4" style="text-align: center;"><b>Cộng</b></td> <td></td> <td></td> <td>2.499,7</td> <td>2.499,7</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	10	61	10	250	CLN	Vị trí 1	2.499,7	2.499,7	0	<b>Cộng</b>						2.499,7	2.499,7	0	<p>- <i>Đù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i></p> <p>- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.</i></p> <p>+ <i>Bồi thường đất CLN tờ 10, thửa 61, vị trí 1 (trong phạm vi 350m): 901.850 đồng/m<sup>2</sup>.</i></p>						
Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )						DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )																											
Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa																																					
10	61	10	250	CLN	Vị trí 1	2.499,7	2.499,7	0																																
<b>Cộng</b>						2.499,7	2.499,7	0																																
	Số nhân khẩu: Đăng xác minh	- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 977/GXN-PKT ngày 02/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN15268, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện Cam Lâm cấp ngày 25/10/2023. - Biên bản kiểm kê số 82/BBKK-T10 ngày 30/01/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm. - Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. - Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.	2. Nhà, vật kiến trúc					901.389.220																																
			- <i>Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Văn bản số 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa.</i>																																					
			1. Công trụ xây gạch, cánh khung sắt hộp cao 2,2m dài 3,6m. ( <i>STT 13, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND</i> )	m dài	3,6	3.855.960	100%	13.881.456																																
			2. Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền XM: (8,6x7,7) + (3,7x6) + (1,5x1). ( <i>STT 4, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND</i> )	m <sup>2</sup> XD	89,9	1.259.097	100%	113.218.002																																
			3. Bàn thiên xây gạch vuông 0,3m cao 1,5m. ( <i>STT 50, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND</i> )	m <sup>3</sup>	0,1	10.908.401	100%	1.472.634																																
			4. Hàng rào xây gạch taplo cao 0,4m + lưới B40 cao 1,5m, trụ BTCT, dài 154m. ( <i>STT 66.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND</i> )	m dài	154,0	1.263.233	98%	190.647.124	Giảm 2% do xây gạch cao 0,4m và không tô trát, quét vôi.																															

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			5. Nhà mái lợp tole, kèo sắt, không trần, tường xây gạch 100, sơn lán cao 4m, nền lát gạch men, cửa gỗ, móng 4 lớp đá chẻ (7,7x11,5). (STT 1.1, Mục A, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	88,6	3.751.000	105%	348.758.603	Tăng 5% do sơn lán và móng đá chẻ 4 lớp.
			* Ôp gạch men theo cấu kiện nhà: (11,7x1,5)+(3x0,7). (STT 33, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	19,7	401.056	100%	7.880.750	
			*Diện tích ôp đá granite theo cấu kiện nhà: (0,7x2,3) (STT 39.6, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	1,6	1.884.465	100%	3.033.989	
			* Diện tích lát gạch men nền: (7,7x11,5). (STT 37, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	88,6	481600	100%	42.645.680	
			6. Nhà VS độc lập có hầm tự hoại, mái lợp tole, kèo sắt, tường xây gạch 100, nền XM, cửa khung sắt + tole, móng đá chẻ (1,6x3,7). (STT 7, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	5,9	6.960.234	102%	42.028.677	Tăng 2% do cửa sắt + tole.
			7. Buy XM đặt nổi đk 1,3m, sâu 1m. (STT 81, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	cầu kiện	1	650.006	103%	669.506	Tăng 3% do đk 1,3m.
			* Buy XM đặt nổi đk 1,3m, sâu 0,5m. (STT 81, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	cầu kiện	1	650.006	98%	637.006	Giảm 2% do sâu 0,5m.

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			8. Giếng nước Buy đúc XM đk 1,4m sâu 10m. (STT 21, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m sâu	10	2.180.674	98%	21.370.605	Giảm 2% do đk 1,4m.
			9. Đan BTCT đồ tại chỗ (3,9x0,1x1,4) + (4,4x0,3x0,1) + ((0,8x0,1x0,7)x3). (STT 59.1, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m3	0,8	5.013.227	100%	4.241.190	
			10. Chuông gà mái lợp tole, kèo gỗ, trụ BT, tường xây gạch taplo cao 0,8m, nền XM, cửa khung sắt + lưới B40, móng đá chẻ ((5,2x5,5)x2). (STT 87.11, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	57,2	877.156	105%	52.681.989	Tăng 5% do trụ BT và cửa khung sắt + lưới B40.
			11. Chuông gà mái lợp tole, cột kèo gỗ, xung quanh dưng lưới lan + lưới nhựa ô vuông, cửa gỗ, nền đất, móng taplo (5x4) + (8,2x3) +(1x1). (STT 87.11, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	45,6	877.156	95%	37.998.398	Giảm 5% nền đất.
			12. Sân XM có BT lót: (2,7x5,5) + (4x2) + (7,7x1,7). (STT 32, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m2	35,9	228.426	100%	8.209.630	
			13. Tường xây gạch 200 cao 1,5m có tô trát, móng đá chẻ dài 8,3m. (STT 9.1, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	8,3	1.112.824	105%	9.698.261	Tăng 5% do xây gạch 200 và cao 1,5m, có tô trát.
			14. Đồng hồ điện 1 pha (STT 8, Mục B, Phụ lục III kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720	

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
			<b>3. Cây trồng</b>					<b>62.531.000</b>	
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.						
			<b>Thửa 61, tờ 10</b>						
			Chanh - Loại A	cây	4	750.000	100%	3.000.000	
			Mãng cầu - Loại A	cây	6	593.000	100%	3.558.000	
			Mãng cầu - Loại C	cây	11	531.000	100%	5.841.000	
			Mãng cầu - Loại 4 năm	cây	36	412.000	100%	14.832.000	
			Mai Loại B	cây	2	-	-	-	chờ xin giá
			Thiên tuế Loại A	cây	2	-	-	-	chờ xin giá
			Xoài hạt - Loại A	cây	2	7.399.000	100%	14.798.000	
			Xoài ghép - Loại A	cây	3	2.400.000	100%	7.200.000	
			Xoài ghép - Loại B	cây	1	1.931.000	100%	1.931.000	
			Xoài ghép - Loại C	cây	6	1.533.000	100%	9.198.000	
			Xoài ghép - Loại 4 năm	cây	1	908.000	100%	908.000	
			Chuối - Loại A	cây	11	115.000	100%	1.265.000	
			Băng lã tím - Loại A	cây	2	-	-	-	chờ xin giá
			Xanh - Loại A	cây	1	-	-	-	chờ xin giá
			Phát tài núi - Loại A	cây	3	-	-	-	chờ xin giá
			Bông lá	m <sup>2</sup>	20	-	-	-	chờ xin giá
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>					<b>674.919.000</b>	
			<b>- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.						
			Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	2.499,7	270.000	100%	674.919.000	
			- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau. - Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa: + Bồi thường đất CLN, VT 1: 5 x 54.000 = 270.000 đồng/m <sup>2</sup> .						
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>						
			Thu hồi 01 GCN số CN15268.						

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)			
10	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất							1. BT về đất				274.432.955	1.287.824.954				
	Ông: Đào Duy Ngọc Vỹ CCCD: 052073012626 Năm sinh: 1973 Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, Khánh Hòa Số nhân khẩu: Đang xác minh	Thôn Bãi Giếng 1, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây hàng năm khác; 2/114; (Thôn Bãi Giếng 1 - Phía Tây Quốc lộ 1A.				m <sup>2</sup>	304,3	901.850	100%	274.432.955	
		Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	Tổng DT (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )	<p>- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo số 306/TB-HĐTĐ ngày 07/05/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.</p> <p>+ Bồi thường đất BHK từ 2, thửa 114, vị trí 1 (trong phạm vi 350m): 901.850 đồng/m<sup>2</sup>.</p>							
		Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa													
		2	114	2	245	BHK	Vị trí 1	304,3	304,3	0								
		Cộng					304,3	304,3	0									
		Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m <sup>2</sup> ):							-									
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							-									
		Các giấy tờ có liên quan:							2. Nhà, vật kiến trúc				929.436.999					
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 986/GXN-PKT ngày 02/04/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, Quyết định số 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Văn bản số 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa.									
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS10617, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 27/06/2022.							1. Công trụ xây gạch ốp gạch men men cao 3m, cánh khung sắt hộp dài 4,1m. (STT 13, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	4,1	3.855.960	102%	16.125.625	Tăng 2% do trụ ốp gạch men.			
		- Biên bản kiểm kê số 55/BBKK-T10 ngày 27/01/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							2. Tường rào xây gạch cao 0,5m + khung sắt hộp cao 1,3m, móng 2 lớp đá chẻ dài 19,1m. (STT 10.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	19,1	2.084.068	103%	40.999.870	Tăng 3% do khung sắt hộp cao 1,3m.			
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							3. Sân XM có BT lót: (7,1x2,1). (STT 32, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	14,9	228.426	100%	3.405.832				
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.							4. Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền gạch men (7,4x7,1). (STT 4, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	52,5	1.259.097	105%	69.460.604	Tăng 5% do nền gạch men.			

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			5. Nhà mái lợp tole, trần thạch cao, tường xây gạch 200, cao 4m, ốp gạch men cao 1,5m, nền gạch men, tường sơn nước, cửa nhôm kính Xinfax, sảnh hiên sê nô BTCT, mặt tiền ốp gạch men, khung nhà bê tông (21 trụ), móng 6 lớp đá chèn, có hệ vs hoàn chỉnh (6,4x19,2). (STT 4.1, Mục A, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup> XD	122,9	5.198.369	115%	734.591.937	Hệ điều chỉnh 1,12 do sơn nước. Tăng 15% do móng đá chèn 6 lớp, cửa nhôm Xinfax và khung nhà bê tông (21 trụ).	
			* Diện tích ốp gạch men theo cấu kiện nhà: (46,5x1,5) + (11,7x2,1) + (5,4x3,6). (STT 33, Mục A, Phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m <sup>2</sup>	113,8	401.056	100%	45.624.131		
			6. Đan BTCT: (1,5x1,4x0,3) + ((0,2x0,6x0,8)x4). (STT 59.2, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m <sup>3</sup>	1,0	3.909.324	100%	3.964.055		
			7. Hàng rào khung sắt hộp cao 1m, trụ sắt dài 7,5m. (STT 70.1, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	7,5	1.663.308	85%	10.603.589	Giảm 15% do cao 1m và không móng.	
			8. Đồng hồ điện 1 pha. (STT 8, Mục B, Phụ lục III kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720		
			9. Đồng hồ nước: 01 cái. (STT 1, Mục B, Phụ lục III kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	cụm	1	2.345.636	100%	2.345.636		
			10. Mạng Internet Viettel	bộ	1	-	-	-	chờ xin giá	
			<b>3. Cây trồng</b>					<b>1.794.000</b>		
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ số 35/2026/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa.							

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)	
			Chuối - Loại 1 năm	cây	2	61.000	100%	122.000		
			Chuối - Loại 1 năm	cây	7	61.000	80%	341.600		
			Chuối - Loại C	cây	3	91.000	80%	218.400		
			Đu đủ - Loại B	cây	1	106.000	100%	106.000		
			Mít - Loại 1 năm	cây	3	210.000	100%	630.000		
			Bơ - Loại 1 năm	cây	1	256.000	100%	256.000		
			Ôi - Loại 1 năm	cây	1	120.000	100%	120.000		
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>						<b>82.161.000</b>	
			<b>- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.							
			Đất trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	304,3	270.000	100%	82.161.000		
			<p>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</p> <p>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>+ Bồi thường đất BHK, VT 1: <math>5 \times 54.000 = 270.000</math> đồng/m<sup>2</sup>.</p>							
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>							
			Thu hồi 01 GCN số CS10617.							

Người lập

Phạm Ngọc Huy

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Doanh**